

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày: 29-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Tuân

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị K (tên gọi khác: D), sinh năm 1968, tại Long An.

Nơi cư trú: Số A Đường N, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T (cả hai đều đã chết); có chồng và 02 con chung; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số B Đường N, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số B Đường N, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Nguyễn Thị H, Tô Thị S (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 30/12/2019, Lê Thị K đến nhà bà Trịnh Thị L, sinh năm 1964, cư ngụ số B Đường N, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An để tìm bà L. Khi vào nhà, phát hiện không có người nên K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. K lén lút đi vào phòng riêng của vợ chồng bà L, mở cánh cửa tủ bên trái thấy 01 túi xách màu đen. K mở túi xách lấy 02 xấp tiền, mỗi xấp là 10.000.000 đồng bỏ vào túi áo khoác 01 xấp và trong quần lót của mình 01 xấp rồi nhanh chóng tẩu thoát. Khi K vừa ra đến cửa nhà thì bà L từ nhà sau đi lên phát hiện tri hô và lục soát trên người K lấy được 01 xấp tiền 10.000.000 đồng trong túi áo khoác. Lúc này, K xin bà L bỏ qua việc này rồi ra về. Sau khi về nhà, K lấy 01 xấp tiền còn lại trong quần lót ra đếm lại đủ 10.000.000 đồng rồi cất dưới ba lô màu xanh. Khoảng 30 phút sau, ông Nguyễn Hoàng T là chồng bà L có đến yêu cầu K trả số tiền còn lại nhưng K không thừa nhận nên ông T trình báo Công an. Qua làm việc, Lê Thị K đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là đã trộm số tiền 20.000.000 đồng của bà L.

Về vật chứng: 01 áo khoác màu xám, 01 áo thun nữ, 01 quần sọt thun nữ màu nâu của bị cáo K sử dụng khi thực hiện phạm tội, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đang tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trịnh Thị L đã nhận lại số tiền 20.000.000 đồng, bà không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKSTA-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đã truy tố Lê Thị K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Lê Thị K gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1 Điều 173, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị K từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu gì thêm, đề nghị không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: 01 áo khoác màu xám, 01 áo thun nữ, 01 quần sọt thun nữ màu nâu của bị cáo K sử dụng khi thực hiện phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố, bị cáo cũng thống nhất khai nhận

hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo không đưa ra chứng cứ nào minh oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết bị cáo đã vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 30/12/2019, tại nhà số B Đường N, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An, bị cáo Lê Thị K có hành vi lén lút lấy của bà Trịnh Thị L số tiền 20.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”. Như vậy, hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[4] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi trái pháp luật do bị cáo Lê Thị K đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ động cơ tham lam, muốn có tiền để tiêu xài nhưng lười lao động nên thúc đẩy và đưa bị cáo vào con đường phạm tội, trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Thị K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Thị K với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6.2] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại, chồng bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội được Nhà nước tặng huân chương, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Đó là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã nói trên, có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, tại nơi cư trú bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, có thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội trộm cắp tài sản, bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang làm thuê, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ bị cáo 01 áo khoác màu xám, 01 áo thun nữ, 01 quần sọt thun nữ màu nâu của bị cáo K. Tại phiên tòa, bị cáo K xác định những vật chứng này không còn sử dụng được đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền bị bị cáo chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Thị K 01(một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 29/4/2020.

Giao bị cáo Lê Thị K cho Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố T, tỉnh Long An là nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Hình phạt bổ sung: Không có.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề cập.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu xám, 01 áo thun nữ, 01 quần sọt thun nữ màu nâu của bị cáo K (vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/02/2020).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thị K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|------|
| - TAND tỉnh Long An; | (01) |
| - Viện KSND tỉnh Long An; | (01) |
| - VKSND tp T; | (01) |
| - Công an tp T; | (01) |
| - Chi cục THADS tp T; | |
| - UBND Phường X, tp T | |
| (nơi bị cáo cư trú); | (01) |
| - Sở Tư pháp tỉnh Long An; | (01) |
| - Bị cáo, bị hại | (02) |
| - Bộ phận THA hình sự; | (07) |
| - Lưu: hồ sơ vụ án, AV. | (02) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng